

Số: /TTr-SGDĐT
DỰ THẢO

Lai Châu, ngày tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức soạn thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC XÓA MÙ CHỮ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Căn cứ pháp lý

Chỉ thị số 29/CT/TW ngày 05/01/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông và các văn bản của Chính phủ, của tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị: Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 22/4/2024; Kế hoạch số 1366/KH-UBND ngày 01/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã xác định các mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2030:

“Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn ”; phấn đấu 70% xã, phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Xóa mù chữ cho 0,5% người lớn chưa biết chữ, trong đó xóa mù chữ cho 0,4% người lớn chưa biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60. Phấn đấu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 đến 60 đạt 98,5%, trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 đến 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 98%...”;

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 và Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị xác định tiếp tục phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân; Giảm tỉ lệ mù chữ ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh đổi mới căn bản, đột phá phát triển toàn diện giáo dục trong giai đoạn tới gần

với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong kỷ nguyên mới.

2. Căn cứ thực tiễn

Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua ngày 09/12/2022 đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả tích cực: Trong giai đoạn 2022-2024, toàn tỉnh đã tổ chức 335 lớp xóa mù chữ cho 7.212 người; năm 2025 mở thêm 63 lớp cho 1.299 người. Tổng cộng giai đoạn 2022-2025 là 398 lớp với 8.511 người học. Số người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 từ 7,11% năm 2021 dự kiến đến hết năm 2025 giảm xuống còn 4,4%; người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 từ 25,99% năm 2021 dự kiến đến hết năm 2025 còn 17,20%, giảm 8,79% . Tỷ lệ người biết chữ chung tăng từ 92,98% (2021) lên 95,35% (năm 2024), dự kiến đạt 95,80% (năm 2025) tăng khoảng 2,82% trong cả giai đoạn.

Tổng kinh phí thực hiện dự kiến cả giai đoạn 2022-2025 là 72.717,24 triệu đồng (*Trong đó: ngân sách Trung ương 41.323,70 triệu đồng chiếm 56,83%; ngân sách địa phương 31.393,54 triệu đồng chiếm 43,17%*), cụ thể:

- + Năm 2022: 2.629,9 triệu đồng.
- + Năm 2023: 20.985,42 triệu đồng.
- + Năm 2024: 21.992,92 triệu đồng.
- + Năm 2025: 27.109,00 triệu đồng.

(Có báo cáo chi tiết kèm theo).

Việc triển khai Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã góp phần quan trọng duy trì và nâng cao tỷ lệ biết chữ, giảm số người mù chữ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả này đã góp phần hoàn thành, thúc đẩy phát triển các tiêu chí văn hóa - xã hội đạt chuẩn nông thôn mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên trên toàn tỉnh vẫn còn khoảng 13.168 người chưa đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 (chiếm 4,4%) và khoảng 51.013 người chưa đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (chiếm 17,2%), chủ yếu tập trung ở nhóm tuổi 36 đến 60, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ. Tỷ lệ người mù chữ còn nhiều dẫn đến những rào cản, khó khăn lớn trong thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển kinh tế xã hội của địa phương; đồng thời cũng là nguyên nhân dẫn tới việc tái mù chữ cao, tiềm ẩn nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo, kích động, gây khó khăn cho việc duy trì chuẩn xóa mù chữ, nhất là mục tiêu nâng tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn mức độ 2 lên tối thiểu 70% vào năm 2030. Theo báo cáo tổng kết năm học 2024-2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện cả nước còn 08 tỉnh chưa đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, trong đó có tỉnh Lai Châu.

Bên cạnh đó, yêu cầu của thời kỳ chuyển đổi số, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đặt ra đòi hỏi nguồn nhân lực phải có trình độ học vấn tối thiểu, có khả năng tiếp cận và vận dụng khoa học - công nghệ. Tăng cường cơ hội tiếp cận tri thức,

nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, trật tự xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh và giảm chênh lệch giữa Lai Châu và các địa phương khác trong khu vực.

Vì vậy, mục tiêu nâng cao chất lượng công tác xóa mù chữ, giảm tỷ lệ người mù chữ đảm bảo tính bền vững là một yêu cầu, nhiệm vụ cần được chú trọng quan tâm thực hiện, đồng thời việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập, bảo đảm quyền học tập suốt đời của mọi công dân; duy trì và củng cố kết quả xóa mù chữ đã đạt được giai đoạn 2022-2025, tiếp tục giảm mạnh tỷ lệ mù chữ, tái mù chữ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác xóa mù chữ, gắn với mục tiêu nâng cao dân trí, phổ biến pháp luật, đào tạo nghề, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và thực hiện chuyển đổi số. Phấn đấu đến năm 2030 duy trì vững chắc tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, nâng tỷ lệ người biết chữ mức độ 2 và số xã, phường, được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 đạt mục tiêu, kế hoạch đặt ra.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Nghị quyết được xây dựng trên quan điểm bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự phối hợp của các sở, ban, ngành, địa phương. Quá trình thực hiện đặt người dân vào vị trí trung tâm, ưu tiên hỗ trợ nhóm yếu thế như người nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người ở vùng sâu, vùng xa, biên giới; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, xã hội hóa, lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia. Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện, gắn hỗ trợ với tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cộng đồng, khuyến khích tinh thần tự học, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại, bảo đảm tính bền vững của kết quả xóa mù chữ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, sau khi Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ giai đoạn 2022-2025 hết hiệu lực thi hành, một số địa phương trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn trong việc duy trì kết quả xóa mù chữ, nhiều lớp học xóa mù chữ không còn được bố trí kinh phí hỗ trợ theo quy định. Trước yêu cầu tiếp tục giảm tỷ lệ mù chữ, tái mù chữ, nâng cao tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tổ chức rà soát số liệu, tổng hợp nhu cầu, tham vấn ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương; trên cơ sở đó xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ giai đoạn 2026-2030, trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết nghị theo thẩm quyền.

Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030 đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến tham gia của: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường. Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải lên mục “LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT” trên cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu tại địa chỉ <https://laichau.gov.vn> và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <http://laichau.edu.vn> từ ngày .../.../2025 đến ngày .../.../2025. Kết quả, Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được ... ý kiến tham gia bằng văn bản, trong đó: Có ... ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã vào nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; có ... ý kiến của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nhất trí với nội dung của dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; có ... ý kiến của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; có ... ý kiến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lai Châu trong mục “Lấy ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”.

Sau khi nhận được ý kiến của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị góp ý đối với dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý kiến (*Báo cáo số .../BC-SGDĐT ngày .../.../2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị*) vào Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030 và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2025 về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện đồng thời có Báo cáo số .../BC-SGDĐT ngày .../.../2025 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bộ cục: Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức quy định trực tiếp, gồm 05 Điều.

2. Nội dung cơ bản: Dự thảo Nghị quyết quy định các nội dung cơ bản sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030, quy định tại khoản 6, Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 và vận dụng khoản 5, khoản 6, Điều 20 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

b) Các mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ.
- b) Học viên tham gia học tại các lớp xóa mù chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi.
- c) Các cơ quan, đơn vị và cá nhân khác có liên quan đến thực hiện công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Nguồn kinh phí và nguyên tắc quản lý kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Kinh phí đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, bao gồm các nội dung chi: Hỗ trợ kinh phí thấp sáng; chi văn phòng phẩm điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ; tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ.

b) Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn II: từ năm 2026 đến năm 2030, bao gồm các nội dung chi: Sách giáo khoa dùng chung, văn phòng phẩm học viên; văn phòng phẩm quản lý lớp học; văn phòng phẩm cho giáo viên dạy lớp xóa mù chữ; hỗ trợ khuyến khích người dân học các lớp xóa mù chữ.

2. Nguyên tắc quản lý kinh phí

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

b) Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030 thực hiện theo đúng phân cấp quản lý và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và chế độ kế toán.

Điều 3. Nội dung, mức chi hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ kinh phí thấp sáng lớp học ban đêm: Mức hỗ trợ 95.000

đồng/phòng học/tháng, thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế của lớp xóa mù chữ, hỗ trợ không quá 04 tháng/kỳ đối với kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3 và hỗ trợ không quá 06 tháng/kỳ đối với kỳ 4, kỳ 5 của chương trình học xóa mù chữ (*Khoản 5, Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 8/3/2022 của Bộ Tài chính*).

Lý do đề xuất:

Đa số lớp xóa mù chữ được tổ chức ngoài giờ lao động sản xuất, chủ yếu vào buổi tối để thuận tiện cho người học. Vì vậy, việc bảo đảm hệ thống chiếu sáng đầy đủ, an toàn là điều kiện thiết yếu nhằm duy trì lớp học, bảo đảm sức khỏe cho cả người dạy và người học, đồng thời nâng cao hiệu quả giảng dạy. Chi phí tiền điện chiếu sáng cho một lớp học ước khoảng 95.000 đồng/tháng (tính theo mức sử dụng trung bình 1,6 kWh/buổi, với 4 bóng đèn 100W trong 4 giờ học, giá điện 1.984 đồng/kWh, nhân với 30 ngày).

Để hỗ trợ các lớp học xóa mù chữ duy trì hoạt động, đề xuất bố trí kinh phí hỗ trợ chi phí điện thấp sáng như sau:

- Đối tượng hỗ trợ: Các lớp xóa mù chữ tổ chức học vào buổi tối trên địa bàn các thôn, bản, xã.

- Mức hỗ trợ: 95.000 đồng/phòng học/tháng.

- Thời gian hỗ trợ: Căn cứ vào thời gian học thực tế của lớp xóa mù chữ, nhưng: Hỗ trợ không quá 04 tháng/kỳ đối với kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3 và hỗ trợ không quá 06 tháng/kỳ đối với kỳ 4, kỳ 5 trong chương trình học xóa mù chữ.

Khoản hỗ trợ này nhằm chia sẻ một phần chi phí với địa phương, giáo viên và cộng đồng trong việc duy trì điều kiện cơ sở vật chất, góp phần bảo đảm lớp học được tổ chức an toàn, tạo môi trường học tập thuận lợi, thu hút người học, hạn chế tình trạng bỏ học giữa chừng. Đây là yếu tố quan trọng giúp hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ một cách bền vững.

2. Chi hỗ trợ sách giáo khoa, văn phòng phẩm

TT	Nội dung chi	Số lượng	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)	Căn cứ
1	Sách giáo khoa dùng chung cho học viên				<i>Điểm c, khoản 6, Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 8/3/2022 của Bộ Tài chính và Khoản 6, Điều 20, Thông tư 55/2023/TT-BTC, theo giá thực tế thị trường.</i>
1.1	Sách giáo khoa dùng cho kỳ 1,2,3 (học viên học mức 1).	1	Bộ	444.000	
1.2	Sách giáo khoa dùng cho kỳ 4,5 (học viên học mức 2).	1	Bộ	684.000	
2	Văn phòng phẩm dành cho 01 học viên				<i>Điểm b, khoản 6, Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 8/3/2022 của Bộ Tài chính và Khoản 6, Điều 20, Thông tư 55/2023/TT-BTC, theo giá thực tế thị trường</i>
2.1	Vở ô li 48 trang (5 quyển/kỳ)	1	Quyển	13.800	
2.2	Bút bi (03 cái/kỳ)	1	Cái	5.000	
2.3	Bút chì đen (03 cái/kỳ)	1	Cái	5.000	
2.4	Tẩy chì (02 cái/kỳ)	1	Cái	12.000	
2.5	Thước kẻ (01 cái/kỳ)	1	Cái	5.000	
2.6	Học bạ học viên (01 quyển)	1	Quyển	30.000	
2.7	Bảng con (01 cái/5 kỳ)	1	Cái	5.000	
2.8	Phấn viết bảng (3 hộp/kỳ)	1	Hộp	5.000	
3	Văn phòng phẩm quản lý lớp học				<i>Khoản 5, Điều 5 Thông tư số</i>

TT	Nội dung chi	Số lượng	Đơn vị tính	Số tiền (đồng)	Căn cứ
3.1	Số gọi tên ghi điểm (01 quyển/kỳ)	1	Quyển	50.000	17/2022/TT-BTC ngày 8/3/2022 của Bộ Tài chính và Khoản 6, Điều 20, Thông tư 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Giá theo giá thực tế thị trường).
3.2	Số điểm cá nhân (01 quyển/kỳ)	1	Quyển	35.000	
3.3	Số đầu bài (01 quyển/lớp/kỳ)	1	Quyển	15.000	
4	Văn phòng phẩm cho 01 giáo viên dạy lớp xóa mù chữ				
4.1	Giấy A4 (02 gram/kỳ)	1	Gram	85.000	
4.2	Bút bi (03 cái/kỳ)	1	Cái	5.000	Điểm a, Khoản 6, Điều 5, Thông tư 17/2022/TT-BTC; (căn cứ thực tế giá mực in, giấy in, bút... phục vụ điều tra, khảo sát).
4.3	Thước kẻ (01 cái/kỳ)	1	Cái	5.000	
4.4	Phấn viết bảng (04 hộp/kỳ)	1	Hộp	5.000	
5	Chi văn phòng phẩm phục vụ điều tra, khảo sát (200.000/lớp)	1	Lớp	200.000	

Lý do đề xuất:

Để đảm bảo người học có đầy đủ tài liệu học tập, giáo viên có phương tiện giảng dạy và lớp học được tổ chức bài bản, cần hỗ trợ sách giáo khoa và văn phòng phẩm theo định mức cụ thể. Việc hỗ trợ này nhằm giảm gánh nặng kinh phí cho học viên, đa phần là người dân tộc thiểu số, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ giáo viên quá trình tổ chức lớp học thuận lợi, góp phần duy trì sỹ số, nâng cao chất lượng xóa mù chữ.

Các khoản hỗ trợ này sẽ bảo đảm tối thiểu điều kiện dạy và học, giảm bớt khó khăn cho học viên, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đồng thời, việc cấp phát đủ sách, vở, văn phòng phẩm giúp nâng cao chất lượng lớp học, tăng hiệu quả xóa mù chữ, hạn chế tái mù chữ, góp phần nâng cao dân trí và nguồn nhân lực tại địa phương.

3. Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục công lập), mức chi 130.000 đồng/tiết. (Chi trả theo thêm giờ quy định tại Điểm d, Khoản 6, Điều 5, Thông tư 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính).

Lý do đề xuất:

Việc tổ chức các lớp xóa mù chữ cơ bản tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Việc tổ chức các lớp xóa mù chữ cơ bản tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Số tiết dạy ở lớp xóa mù chữ đối với giáo viên thuộc biên chế tại các cơ sở công lập được tính là thời lượng ngoài định mức số tiết bắt buộc phải thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông, do đó cần có chính sách hỗ trợ thù lao cho số tiết dạy vượt định mức tiêu chuẩn theo chế độ trả lương dạy thêm giờ (giáo viên được hưởng thù lao theo số tiết dạy thực tế tại các lớp xóa mù chữ vận dụng cho những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ là giáo viên tiểu học được hưởng lương “bậc 1” công tác tại vùng đặc biệt khó khăn với một giờ dạy khoảng 110.000 đồng. Mức tiền lương 01 giờ dạy thêm là 150%, tương đương khoảng 160.000 đồng; “nếu vận dụng 80% thì tương đương khoảng 130.000 đồng”).

Để bảo đảm duy trì các lớp xóa mù chữ và nâng cao chất lượng giảng dạy,

cần có cơ chế hỗ trợ thỏa đáng đối với giáo viên trực tiếp đứng lớp. Đặc thù của công tác xóa mù chữ là lớp học thường tổ chức vào buổi tối hoặc ngoài giờ hành chính, tại các thôn bản vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện đi lại khó khăn, khối lượng công việc nhiều (xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức dạy học, chấm chữa bài, đánh giá kết quả học tập...).

4. Chi hỗ trợ người dân học các lớp xóa mù chữ: Hỗ trợ bằng tiền 150.000 đồng/học viên/tháng, thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế của học viên tham gia lớp xóa mù chữ, hỗ trợ không quá 04 tháng/kỳ đối với kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3 và hỗ trợ không quá 06 tháng/kỳ đối với kỳ 4, kỳ 5 của chương trình học xóa mù chữ (*Theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Thông tư 55/2023/TT-BTC; ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính*).

Lý do đề xuất:

Một trong những khó khăn lớn nhất trong công tác xóa mù chữ hiện nay là huy động người dân đến lớp và duy trì học tập đến khi hoàn thành chương trình. Phần lớn người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi 15 đến 60 là lao động chính trong gia đình, có thu nhập thấp, bận rộn với sản xuất nông nghiệp, buôn bán nhỏ, hoặc làm thuê. Nếu không có chính sách hỗ trợ trực tiếp, họ dễ bỏ học giữa chừng do áp lực kinh tế và thời gian.

Vì vậy, cần thiết có chính sách hỗ trợ khuyến khích người dân tham gia lớp xóa mù chữ nhằm chia sẻ một phần khó khăn, giúp người học yên tâm theo học đầy đủ cho đến khi hoàn thành chương trình.

- Đối tượng hỗ trợ: Học viên tham gia các lớp xóa mù chữ trên địa bàn.
- Mức hỗ trợ: 150.000 đồng/học viên/tháng.
- Thời gian hỗ trợ: Căn cứ theo thời gian học thực tế, nhưng: Không quá 04 tháng/kỳ đối với kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3 và không quá 06 tháng/kỳ đối với kỳ 4, kỳ 5 của chương trình xóa mù chữ.

Khoản hỗ trợ này sẽ khích lệ người dân duy trì việc học đều đặn, hạn chế tình trạng bỏ học giữa chừng, giúp lớp học ổn định sĩ số. Đây là giải pháp quan trọng để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu xóa mù chữ, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống kinh tế - xã hội và phát triển bền vững nguồn nhân lực địa phương.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn lực để thực hiện chính sách được thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương và nguồn cân đối ngân sách địa phương hàng năm chỉ cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách:

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách trong 5 năm với tổng số tiền dự kiến là: **51.487.500.000** đồng (nguồn kinh phí ngân sách Trung ương **13.131.525.000** đồng; nguồn ngân sách địa phương **38.355.975.000** đồng).

- Dự kiến thực hiện chính sách trong năm 2026: 15.160.172.000 đồng.
- Dự kiến thực hiện chính sách trong năm 2027: 11.086.831.000 đồng.
- Dự kiến thực hiện chính sách trong năm 2028: 9.804.939.000 đồng.
- Dự kiến thực hiện chính sách trong năm 2029: 8.019.142.000 đồng.
- Dự kiến thực hiện chính sách trong năm 2030: 7.416.416.000 đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Kèm theo Tờ trình này gồm có:

1. Dự thảo Tờ trình;
2. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;
3. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu;
4. Bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo;
5. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.
6. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các đơn vị có liên quan.
7. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Báo cáo của cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia thẩm định của Sở Tư pháp.
8. Biểu thuyết minh nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030. Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, GDMN-TH.

GIÁM ĐỐC

Mạc Quang Dũng